

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2369 /GPMT-UBND

Tây Ninh, ngày 14 tháng 11 năm 2023

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ  
và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của  
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số  
điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 01/CV-TL ngày 28 tháng 4 năm 2023 về  
việc đề nghị thẩm định báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường và Văn  
bản số 02/CV-TL ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Công ty cổ phần Thăng  
Lợi về việc giải trình các nội dung chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo đề xuất  
cấp Giấy phép môi trường Dự án Trại chăn nuôi gà công nghiệp mô hình  
trại lạnh khép kín, quy mô 120.000 con gà thịt/năm tại ấp Phước Lợi 1, xã  
Suối Đá, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số  
7399/TTr-STNMT ngày 26 tháng 10 năm 2023.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty cổ phần Thăng Lợi, địa chỉ tại số 392B,  
đường 30/4, khu phố 1, Phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh được  
thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Trại chăn nuôi gà công  
nghiệp mô hình trại lạnh khép kín, địa chỉ tại thửa đất 167 tờ bản đồ số 41  
thuộc ấp Phước Lợi 1, xã Suối Đá, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh  
với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án đầu tư:

1.1 Tên Dự án đầu tư: Trại chăn nuôi gà công nghiệp mô hình trại lạnh khép  
kín.

1.2. Địa điểm thực hiện Dự án: ấp Phước Lợi 1, xã Suối Đá, huyện Dương  
Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

1.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp  
Công ty cổ phần tại số 3900389881 ngày 25 tháng 4 năm 2006; đăng ký thay  
đổi lần thứ 8 ngày 02 tháng 8 năm 2016.

1.4. Mã số thuế: 3900389881

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chăn nuôi gà thịt.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Quy mô, công suất: 120.000 con gà thịt/năm.

- Dự án thuộc nhóm II theo quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm Công ty cổ phần Thắng Lợi được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty cổ phần Thắng Lợi có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Công khai Giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Thắng Lợi hoặc tại trụ sở UBND xã Suối Đá; thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp Giấy phép môi trường.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký Giấy phép này.

Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 04/01/2010 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư trại chăn nuôi gà công nghiệp mô hình trại lạnh khép kín của Công ty cổ phần Thắng Lợi hết hiệu lực kể từ ngày ký Giấy phép này.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh chủ trì phối hợp với UBND huyện Dương Minh Châu, các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. / *SM*

Nơi nhận: *lat*

- Ct, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- UBND huyện DMC;
- UBND xã Suối Đá;
- Cty CP Thắng Lợi;
- Đăng tải trang thông tin điện tử của Sở TN&MT;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH.**



**Trần Văn Chiến**

**Phụ lục 1**

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC  
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI  
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2369/GPMT-UBND  
ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:****1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên vận hành trang trại chăn nuôi gà, lưu lượng 0,8 m<sup>3</sup>/ngày.đêm
- Nguồn số 02: Nước thải vệ sinh chuồng trại sau mỗi lứa nuôi, lưu lượng 1,0 m<sup>3</sup>/ngày/trại;
- Nguồn số 03: Nước thải vệ sinh dụng cụ chăn nuôi, lưu lượng 1,0 m<sup>3</sup>/ngày.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:****2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận:**

- Dòng nước thải số 01: Nguồn số 01 được thu gom về bể tự hoại 03 ngăn, sau đó được dẫn về mương sinh học số 01 để đạt cột A, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT.
- Dòng nước thải số 02: Nguồn số 02, 03 được thu gom về bể lắng lọc 03 ngăn, sau đó được dẫn về mương sinh học số 02, 03 để xử lý đạt yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi - QCVN 62-MT:2016/BTNM.

**2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải:**

Ba (03) mương sinh học trong khuôn viên Dự án.

**2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 2,8 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.****2.3.1. Phương thức xả nước thải:**

- Nguồn số 01 sau xử lý bằng bể tự hoại chảy ra mương sinh học số 01.
- Nguồn số 02, 03 sau xử lý bể lắng lọc chảy ra mương sinh học số 02, 03.

**2.3.2. Vị trí xả nước thải**

- Tại mương sinh học số 01 tọa độ: X = 576 458; Y = 1259 100;
- Tại mương sinh học số 02 tọa độ: X = 576 310; Y = 1259 052;
- Tại mương sinh học số 03 tọa độ: X = 576 311; Y = 1259 079;

2.3.3. Chất lượng nước thải khi xả vào nguồn nước tiếp nhận đối với dòng nước thải số 1 phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT,

cột A, hệ số K = 1,2 cụ thể như sau:

TT	Tên chất	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ
2	TSS	mg/L	60	
3	TDS	mg/L	600	
4	BOD <sub>5</sub>	mg/L	36	
5	Sunfua	mg/L	1,2	
6	Amoni	mg/L	6	
7	Nitrat	mg/L	36	
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	12	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	6	
10	Phosphat	mg/L	7,2	
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.600	

2.3.4. Chất lượng nước thải khi xả vào nguồn nước tiếp nhận đối với dòng nước thải số 02 phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi - QCVN 62-MT: 2016/BTNMT.

2.3.5. Chế độ xả thải: Liên tục.

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nước thải sinh hoạt với lưu lượng lớn nhất là 0,8 m<sup>3</sup>/ngày.đêm được xử lý bằng bể tự hoại, số lượng 01, thể tích 3,6 m<sup>3</sup>. Nước thải sau bể tự hoại chảy ra mương sinh học số 01 để xử lý đạt cột A, QCVN 14: 2008/BTNMT với hệ số K = 1,2.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi bao gồm nước thải từ hoạt động vệ sinh chuồng trại sau mỗi lứa nuôi, nước thải vệ sinh dụng cụ chăn nuôi với lưu lượng lớn nhất là 2 m<sup>3</sup>/ngày được thu gom về bể lắng lọc 03 ngăn kích thước 3,0m x 2,0m x 1,2m, sau đó dẫn về mương sinh học số 02, 03 để xử lý đạt QCVN 62-MT: 2016/BTNMT.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1 Tóm tắt quy trình xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt tại các khu nhà vệ sinh → bể tự hoại  
→ mương sinh học số 01.

- Nước thải chăn nuôi: Nước thải → bể lắng lọc 3 ngăn → mương sinh học số 02, 03.

#### 1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- 01 bể tự hoại, kích thước: 2,0m x 1,5m x 1,2m, tường gạch, đáy bằng bê tông.

- 04 bể lắng lọc 3 ngăn xử lý nước thải chăn nuôi, kích thước 3,0m x 2,0m x 1,2m, tường gạch, đáy bằng bê tông.

- 01 mương sinh học số 01 xử lý nước thải sinh hoạt, kích thước 3,0m x 2,0m x 1,0m, đáy lót bạt HDPE.

- 02 mương sinh học số 02, 03 xử lý nước thải chăn nuôi, kích thước 3,0m x 2,0m x 1,0m, đáy lót bạt HDPE.

#### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt

#### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống thu gom nước thải.

- Tổ chức kiểm tra định kỳ tình trạng hoạt động của mương sinh học xử lý nước thải.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Đào tạo đầy đủ các kiến thức về lý thuyết vận hành mương sinh học xử lý nước thải, cách xử lý sự cố cho nhân viên phụ trách.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của mương sinh học xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải chăn nuôi để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố.

### 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A phụ lục này.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ**  
**MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2369/GPMT-UBND*  
*ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh khí thải, bụi:**

- Nguồn số 01: Dây chuyền nuôi 01: Khí thải từ 08 quạt hút bên trong chuyền 01 thải ra môi trường, với lưu lượng tối đa 358.400 m<sup>3</sup>/giờ.
- Nguồn số 02: Dây chuyền nuôi 02: Khí thải từ 08 quạt hút bên trong chuyền 02 thải ra môi trường, với lưu lượng tối đa 358.400 m<sup>3</sup>/giờ.
- Nguồn số 03: Dây chuyền nuôi 03: Khí thải từ 08 quạt hút bên trong chuyền 03 thải ra môi trường, với lưu lượng tối đa 358.400 m<sup>3</sup>/giờ.
- Nguồn số 04: Dây chuyền nuôi 04: Khí thải từ 08 quạt hút bên trong chuyền 04 thải ra môi trường, với lưu lượng tối đa 358.400 m<sup>3</sup>/giờ.
- Nguồn số 05, 06: Bụi, khí thải từ hoạt động của 02 máy phát điện dự phòng có công suất 350 KVA, lưu lượng tối đa là 186,75 m<sup>3</sup>/giờ.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**

**2.1. Vị trí xả khí thải, bụi**

- Nguồn khí thải số 01: Tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuyền số 01; tọa độ vị trí xả khí thải: X = 576 310; Y = 1259 052;
- Nguồn khí thải số 02: Tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuyền số 02, tọa độ vị trí xả khí thải: X = 576 311; Y = 1259 079;
- Nguồn khí thải số 03: Tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuyền số 03; tọa độ vị trí xả khí thải: X = 576 318; Y = 1259 122;
- Nguồn khí thải số 04: Tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuyền số 04; tọa độ vị trí xả khí thải: X = 576 320; Y = 1259 147;
- Nguồn khí thải số 05: Tương ứng với nguồn khí thải máy phát điện dự phòng số 01, tọa độ vị trí xả khí thải: X = 576 399; Y = 1259 090;
- Nguồn khí thải số 06: Tương ứng với nguồn khí thải máy phát điện dự phòng số 02, tọa độ vị trí xả khí thải: X = 576 389; Y = 1259 088.

*(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°30' múi chiếu 3°)*

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:**

- Nguồn khí thải từ 01 đến số 04: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 358.400 m<sup>3</sup>/giờ/nguồn.
- Nguồn khí thải số 05, 06: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 186,75 m<sup>3</sup>/giờ/nguồn.

**2.2.1. Phương thức xả khí thải, bụi:**

- Nguồn khí thải 01 đến số 04: Khí thải, bụi xả cưỡng bức thông qua hệ thống quạt hút (mỗi chuồng có 8 quạt hút) xả liên tục khi hoạt động.

- Nguồn khí thải 05, 06: Xả ra môi trường qua ống khói, xả liên tục khi có sự cố mất điện phải vận hành máy phát điện dự phòng.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường và quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải, cụ thể như sau:

- Nguồn khí thải số 01 đến số 04 đạt QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

TT	Tên chất	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	H <sub>2</sub> S	µg/Nm <sup>3</sup>	42	02 lần/năm	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
2	NH <sub>3</sub>	µg/Nm <sup>3</sup>	200		
3	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm <sup>3</sup>	200		

- Nguồn khí thải số 05, 06 đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, hệ số K<sub>v</sub> = 1,0; K<sub>p</sub> = 1,0.

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	P ≤ 200.000	Không	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
2	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	200		
3	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	850		
4	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	500		
5	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.000		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn khí thải từ số 01 đến số 04: Khí thải từ các trại chăn nuôi xả khí thải ra môi trường thông qua 08 quạt hút/trại.

- Nguồn số 05, 06: Khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu dầu DO để vận hành máy phát điện công suất 350 KVA khi có sự cố mất điện được thu gom thoát



ra ngoài môi trường theo đường ống cao 5m, vật liệu Inox SUS 304 dày 3mm.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Khí thải từ các chuồng nuôi: Khí thải → quạt hút → công trình xử lý chất thải (lắp đặt khung sắt che bằng lưới, lắp đặt hệ thống phun sương) → thoát ra môi trường.

- Khí thải từ máy phát điện dự phòng thu gom về ống thải của máy phát điện, xả trực tiếp ra môi trường (máy phát điện dự phòng chỉ vận hành khi có sự cố mất điện).

### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phát lắp đặt.

### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đào tạo các kiến thức về nguyên lý và hướng dẫn vận hành an toàn các hệ thống điện, hệ thống quạt hút thoát khí thải cho nhân viên vận hành.

- Hướng dẫn bảo trì, bảo dưỡng máy phát điện, hướng dẫn cách xử lý các sự cố đơn giản.

- Trường hợp sự cố mất lưới điện, Chủ dự án phải tiến hành vận hành máy phát điện dự phòng để cung cấp điện tạm thời giúp duy trì hoạt động quạt hút và các thiết bị điện khác của trang trại.

- Khi xảy ra sự cố ngừng hoạt động quạt hút bị sự cố, tìm nguyên nhân khắc phục sự cố kịp thời.

- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

### 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để giám sát vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Chủ dự án hoàn toàn chịu trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này môi trường.

## Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2269/GPMT-UBND  
ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Phát sinh từ hoạt động của chuồng nuôi 01.
- Nguồn số 02: Phát sinh từ hoạt động của chuồng nuôi 02.
- Nguồn số 03: Phát sinh từ hoạt động của chuồng nuôi 03.
- Nguồn số 04: Phát sinh từ hoạt động của chuồng nuôi 04.
- Nguồn số 05: Phát sinh từ hoạt động của hệ thống máy phát điện dự phòng số 01.
- Nguồn số 06: Phát sinh từ hoạt động của hệ thống máy phát điện dự phòng số 02.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn 01: tọa độ: X = 576310; Y = 1259052;
- Nguồn 02: tọa độ: X = 576311; Y = 1259079;
- Nguồn 03: tọa độ: X = 576318; Y = 1259122;
- Nguồn 04: tọa độ: X = 576320; Y = 1259147;
- Nguồn 05: tọa độ: X = 576399; Y = 1259090;
- Nguồn 06: tọa độ: X = 576 389; Y = 1259 088.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$  múi chiều  $3^{\circ}$ )

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn – QCVN 26:2010/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung - QCVN 27:2010/ BTNMT, cụ thể như sau:**

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không	Khu vực thông thường

## 3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: áp dụng các biện pháp quy hoạch, xây dựng chống tiếng ồn; bố trí khoảng cách, trồng cây xanh theo hướng gió thịnh hành; các máy móc, thiết bị phục vụ chăn nuôi được bảo trì bảo dưỡng định kỳ (tra dầu, mỡ, vệ sinh), thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: bọc lót các bề mặt thiết bị chịu rung dao động bằng các vật liệu hút hoặc giảm rung động có ma sát lớn như cao su, vòng phốt.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2364/GPMT-UBND*  
*ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

<b>TT</b>	<b>Loại chất thải</b>	<b>Khối lượng (Kg/năm)</b>	<b>Mã CTNH</b>
1	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại	13	14 02 02
2	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	12	13 02 01
3	Pin, ắc quy chì thải	3	19 06 01
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	4	16 01 06
5	Gà chết do dịch bệnh	KXĐ	14 02 01
6	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	2	18 01 01
7	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	4	18 01 02
8	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	3	18 01 03
9	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác (như composit)	4	18 01 04
<b>Tổng khối lượng</b>		45	

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:**

<b>TT</b>	<b>Loại chất thải</b>	<b>Mã chất thải</b>	<b>Khối lượng chất thải phát sinh</b>
1	Phân gà trộn vỏ trấu lót chuồng	14 01 12	196,52 tấn/lứa
2	Chất thải không yêu cầu thu gom, xử	14 03 02	67,5 kg/lứa

	lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm (Gà chết không do dịch bệnh)		
3	Bao bì đựng thức ăn	18 01 06	45 kg/lứa

### 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1	Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân viên	72
<b>Tổng khối lượng</b>		<b>72</b>

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

#### 2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Sử dụng thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín, đảm bảo điều kiện kín, khít đối với các thiết bị lưu chất thải nguy hại ở dạng lỏng.

#### 2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 10 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Kho được xây tường gạch bao quanh, mái che bằng tôn, nền bê tông, có khay hứng chất thải lỏng rơi vãi, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xéng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

- Biện pháp xử lý: Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

#### 2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Bao bì

#### 2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho : 10 m<sup>2</sup>

- Thiết kế, cấu tạo: kho được xây tường bao quanh, mái lợp tôn, nền bê tông đảm bảo kín, không bị thấm thấu, bố trí gờ chắn trách nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

### 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: thùng chứa có nắp đậy.
- Khu vực lưu chứa: bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực có phát sinh.
- Biện pháp xử lý: Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG**

### **1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu vực chất thải rắn, chất thải nguy hại:**

Thiết kế đúng quy định khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, xử lý toàn bộ các loại chất thu rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng. Lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

### **2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố dịch bệnh xảy ra trên diện tích rộng:**

- Thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh tuân thủ theo QCVN 01 - 41:2011/BNNPTNT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật; QCVN 01 - 79: 2011/BNNPTNT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm - quy trình kiểm tra, đánh giá điều kiện vệ sinh thú y và QCVN 01-99:2012/BNNPTNT về điều kiện vệ sinh thú y khu cách ly kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật.

- Bố trí khu đất dự phòng trong dự án phù hợp để khi có trường hợp dịch bệnh xảy ra trên diện rộng, không thể di chuyển xác gà chết do dịch bệnh đến nơi tiêu hủy, Chủ dự án bố trí các hố chôn tại khu đất dự phòng để chôn lấp, tiêu hủy xác gà chết do dịch bệnh tại Dự án.

### **3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:**

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2369/GPMT-UBND  
ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)**

Không có

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải; nước thải chăn nuôi được thu gom xử lý đạt QCVN 62 - MT:2016/BTNMT và nước thải sinh hoạt được thu gom xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A với hệ số K = 1,2 trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

2. Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2023/BTNMT, đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

3. Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ - CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT - BNTMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

4. Thực hiện các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình hoạt động của cơ sở đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

5. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định



của pháp luật.

7. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ - CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

8. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

9. Thường xuyên kiểm tra thực hiện các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho công nhân viên.

10. Thực hiện công khai thông tin môi trường của cơ sở theo quy định tại Khoản 2 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ - CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

11. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.